Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Nghi Xuân
Email: ubnghixuan@hatinh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Tĩnh
Thời gian ký: 31.05.2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 199 /BC-UBND	*Nghi Xuân, ngày 30 tháng 5 năm 2019*

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, đề xuất tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích và máy móc, thiết bị chuyên dùng trên địa bàn huyện Nghi Xuân

Thực hiện Văn bản số 862/STC-GCS ngày 22/3/2019 của Sở Tài chính về việc rà soát, đề xuất tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích và máy móc, thiết bị chuyên dùng; Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Về định mức sử dụng diện tích chuyên dùng:

a. Diện tích sử dụng cho bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính:

- Cấp huyện: Hiện trạng sử dụng 135,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 135,0 m^2.

- Cấp xã: Hiện trạng sử dụng 752,84 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 1.239,0 m^2.

b. Diện tích sử dụng để tiếp dân:

- Cấp huyện: Hiện trạng sử dụng 135,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 135,0 m^2.

- Cấp xã: Hiện trạng sử dụng 267,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 765,0 m^2.

c. Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin:

- Cấp huyện: Hiện trạng sử dụng 48,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 63,0 m^2.

- Cấp xã: Hiện trạng sử dụng 101,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 339,0 m^2.

d. Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên):

- Cấp huyện: Hiện trạng sử dụng 1.338,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 1.668,0 m^2.

- Cấp xã: Hiện trạng sử dụng 5.964,3 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 7.529,3 m^2.

đ. Diện tích Kho lưu trữ, bảo quản tài sản, tài liệu:

- Cấp huyện: Hiện trạng sử dụng 260,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 326,0 m^2.

- Cấp xã: Hiện trạng sử dụng 80,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 805,0 m^2.

e. Diện tích chuyên dùng khác:

- Cấp huyện: Hiện trạng sử dụng 102,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 118,0 m^2.

- Cấp xã: Hiện trạng sử dụng 80,0 m^2; đề xuất diện tích sử dụng tối đa 1959,0 m^2.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Về định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng: Có phụ lục chi tiết kèm theo.

Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân kính gửi Sở Tài chính xem xét, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu: VT, TCKH;
- Gửi văn bản giấy và điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hải Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 01

ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DÙNG (CẤP HUYỆN, CẤP XÃ)

(Kèm theo Văn bản số 199 /UBND-TCKH ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân)

STT	Loại diện tích chuyên dùng	Cấp huyện		Cấp xã		Ghi chú
		Hiện trạng sử dụng (m2)	Đề xuất diện tích sử dụng tối đa (m2)	Hiện trạng sử dụng (m2)	Đề xuất diện tích sử dụng tối đa (m2)	
I	**Diện tích sử dụng cho bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính**	**135,00**	**135,00**	**752,84**	**1.239,00**	
1	**Cấp huyện**	**135,00**	**135,00**			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	135,00	135,00			
2	**Cấp xã**			**752,84**	**1.239,00**	
2.1	Xã Xuân Lam			23,00	23,00	
2.2	Xã Xuân Hồng			15,00	20,00	
2.3	Xã Xuân Lĩnh			20,00	30,00	
2.4	Xã Xuân Viên			16,00	40,00	
2.5	Xã Xuân Mỹ			28,00	130,00	
2.6	Xã Xuân Thành			30,00	45,00	
2.7	Xã Cổ Đạm			40,00	60,00	
2.8	Xã Xuân Liên			45,00	100,00	
2.9	Xã Cương Gián			168,00	250,00	
2.10	Xã Xuân Hội			40,00	60,00	

2.11	Xã Xuân Trường			36,00	50,00	
2.12	Xã Xuân Đan			49,00	80,00	
2.13	Xã Xuân Phổ			49,00	80,00	
2.14	Xã Xuân Hải			41,00	41,00	
2.15	Xã Tiên Điền			36,00	40,00	
2.16	Xã Xuân Yên			40,00	40,00	
2.17	Xã Xuân Giang			35,00	50,00	
2.18	Thị trấn Nghi Xuân			15,84	60,00	
2.19	Thị trấn Xuân An			26,00	40,00	
II	**Diện tích sử dụng để tiếp dân**	**135,00**	**135,00**	**267,00**	**765,00**	
1	**Cấp huyện**	**135,00**	**135,00**			
1.1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	135,00	135,00			
2	**Cấp xã**			**267,00**	**765,00**	
2.1	Xã Xuân Lam			23,00	23,00	
2.2	Xã Xuân Hồng			15,00	20,00	
2.3	Xã Xuân Lĩnh			50,00	50,00	
2.4	Xã Xuân Viên			-	30,00	
2.5	Xã Xuân Mỹ			-	42,00	
2.6	Xã Xuân Thành			-	20,00	
2.7	Xã Cổ Đạm			-	40,00	
2.8	Xã Xuân Liên			-	50,00	
2.9	Xã Cương Gián			-	170,00	

2.10	Xã Xuân Hội			20,00	40,00	
2.11	Xã Xuân Trường			18,00	30,00	
2.12	Xã Xuân Đan			-	20,00	
2.13	Xã Xuân Phổ			-	20,00	
2.14	Xã Xuân Hải			30,00	30,00	
2.15	Xã Tiên Điền			30,00	30,00	
2.16	Xã Xuân Yên			40,00	40,00	
2.17	Xã Xuân Giang			15,00	20,00	
2.18	Thị trấn Nghi Xuân			-	40,00	
2.19	Thị trấn Xuân An			26,00	50,00	
III	**Diện tích sử dụng để quản trị hệ thống công nghệ thông tin**	**48,00**	**63,00**	**101,00**	**339,00**	
1	**Cấp huyện**	**48,00**	**63,00**			
1.1	Văn phòng Huyện ủy Nghi Xuân	18,00	18,00			
1.2	Văn phòng HĐND-UBND huyện	15,00	15,00			
1.3	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông	15,00	30,00			
2	**Cấp xã**			**101,00**	**339,00**	
2.1	Xã Xuân Lam			10,00	10,00	
2.2	Xã Xuân Hồng			15,00	15,00	
2.3	Xã Xuân Lĩnh			20,00	20,00	
2.4	Xã Xuân Viên			15,00	15,00	
2.5	Xã Xuân Mỹ			-	-	
2.6	Xã Xuân Thành			-	20,00	

2.7	Xã Cổ Đạm			-	35,00	
2.8	Xã Xuân Liên			-	30,00	
2.9	Xã Cương Gián			-	-	
2.10	Xã Xuân Hội			-	30,00	
2.11	Xã Xuân Trường			-	20,00	
2.12	Xã Xuân Đan			-	20,00	
2.13	Xã Xuân Phổ			-	20,00	
2.14	Xã Xuân Hải			-	-	
2.15	Xã Tiên Điền			-	-	
2.16	Xã Xuân Yên			-	14,00	
2.17	Xã Xuân Giang			15,00	20,00	
2.18	Thị trấn Nghi Xuân			-	30,00	
2.19	Thị trấn Xuân An			26,00	40,00	
IV	**Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)**	**1.338,00**	**1.668,00**	**5.964,30**	**7.529,30**	
1	**Cấp huyện**	**1.338,00**	**1.668,00**			
1.1	Văn phòng Huyện ủy Nghi Xuân	160,00	160,00			
1.2	Văn phòng HĐND-UBND huyện	728,00	728,00			
1.3	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông	300,00	400,00			
1.4	Ủy ban MTTQ và các khối đoàn thể	60,00	150,00			
1.5	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	90,00	230,00			
2	**Cấp xã**			**5.964,30**	**7.529,30**	
2.1	Xã Xuân Lam			662,30	662,30	

2.2	Xã Xuân Hồng			600,00	600,00	
2.3	Xã Xuân Lĩnh			150,00	150,00	
2.4	Xã Xuân Viên			465,00	465,00	
2.5	Xã Xuân Mỹ			210,00	210,00	
2.6	Xã Xuân Thành			260,00	350,00	
2.7	Xã Cổ Đạm			280,00	500,00	
2.8	Xã Xuân Liên			200,00	250,00	
2.9	Xã Cương Gián			544,00	544,00	
2.10	Xã Xuân Hội			408,00	408,00	
2.11	Xã Xuân Trường			400,00	400,00	
2.12	Xã Xuân Đan			240,00	400,00	
2.13	Xã Xuân Phổ			240,00	400,00	
2.14	Xã Xuân Hải			350,00	400,00	
2.15	Xã Tiên Điền			350,00	400,00	
2.16	Xã Xuân Yên			240,00	240,00	
2.17	Xã Xuân Giang			265,00	300,00	
2.18	Thị trấn Nghi Xuân			-	300,00	
2.19	Thị trấn Xuân An			100,00	550,00	
V	**Kho lưu trữ, bảo quản tài sản, tài liệu**	**260,00**	**326,00**	**80,00**	**805,00**	
1	**Cấp huyện**	**260,00**	**326,00**			
1.1	Văn phòng Huyện ủy Nghi Xuân	20,00	40,00			
1.2	Văn phòng HĐND-UBND huyện	116,00	116,00			

1.3	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông	52,00	70,00			
1.4	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản huyện	72,00	100,00			
2	**Cấp xã**			**80,00**	**805,00**	
2.1	Xã Xuân Lam			10,00	20,00	
2.2	Xã Xuân Hồng			-	30,00	
2.3	Xã Xuân Lĩnh			5,00	30,00	
2.4	Xã Xuân Viên			-	-	
2.5	Xã Xuân Mỹ			-	-	
2.6	Xã Xuân Thành			-	20,00	
2.7	Xã Cổ Đạm			-	125,00	
2.8	Xã Xuân Liên			-	40,00	
2.9	Xã Cương Gián			-	-	
2.10	Xã Xuân Hội			-	30,00	
2.11	Xã Xuân Trường			20,00	20,00	
2.12	Xã Xuân Đan			-	20,00	
2.13	Xã Xuân Phổ			-	20,00	
2.14	Xã Xuân Hải			-	50,00	
2.15	Xã Tiên Điền			-	50,00	
2.16	Xã Xuân Yên			-	30,00	
2.17	Xã Xuân Giang			15,00	20,00	
2.18	Thị trấn Nghi Xuân			-	200,00	
2.19	Thị trấn Xuân An			30,00	100,00	

VI	**Diện tích chuyên dùng khác (Nếu có): Đề nghị ghi rõ mục đích sử dụng**	**102,00**	**118,00**	**80,00**	**195,00**	
1	**Cấp huyện**	**102,00**	**118,00**			
1.1	Văn phòng Huyện ủy Nghi Xuân	18,00	18,00			Thực hiện công tác cơ yếu
1.2	Trung tâm Văn hóa - Truyền thông	84,00	100,00			Phòng đọc sách
2	**Cấp xã**			**80,00**	**195,00**	
2.1	Xã Xuân Lam			-	-	
2.2	Xã Xuân Hồng			-	-	
2.3	Xã Xuân Lĩnh			15,00	15,00	Kho để trang thiết bị phục vụ huấn luyện quân sự
2.4	Xã Xuân Viên			-	-	
2.5	Xã Xuân Mỹ			-	-	
2.6	Xã Xuân Thành			30,00	30,00	Nhà bảo vệ
2.7	Xã Cổ Đạm			15,00	40,00	Phòng trực ban, phòng truyền thanh
2.8	Xã Xuân Liên			-	30,00	Kho lưu trữ dụng cụ quân đội
2.9	Xã Cương Gián			-	-	
2.10	Xã Xuân Hội			-	-	
2.11	Xã Xuân Trường			-	-	
2.12	Xã Xuân Đan			-	20,00	Nhà bảo vệ
2.13	Xã Xuân Phổ			-	20,00	Nhà bảo vệ
2.14	Xã Xuân Hải			-	20,00	Nhà bảo vệ

2.15	Xã Tiên Điền			20,00	20,00	Nhà bảo vệ
2.16	Xã Xuân Yên			-	-	
2.17	Xã Xuân Giang			-	-	
2.18	Thị trấn Nghi Xuân			-	-	
2.19	Thị trấn Xuân An			-	-	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục số 02

ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo Văn bản số 199 /UBND-TCKH ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi Xuân)

STT	Chủng loại máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng hiện có	Đề xuất số lượng tối đa	Mục đích sử dụng chuyên dùng	Ghi chú
I	**Trung tâm Hành chính công huyện**					
1	Máy quét mã vạch và tra cứu kết quả thông tin tại Trung tâm Hành chính công huyện	Cái	1	1	Tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính	
2	Máy xếp hàng tự động và thiết bị gọi số	Cái			Gọi theo thứ tự khách hàng thực hiện thủ tục hành chính	
2.1	Bảng hiển thị chính kết nối không dây Btech VN MD06a WI	Bộ	2	2		
2.2	Bàn phím điều khiển quầy kết nối không dây	Bộ	6	6		
2.3	Bảng hiển thị số tại quầy 4 số kết nối không dây Betch	Bộ	6	6	Hiển thị số thứ tự khách hàng thực hiện thủ tục hành chính	
3	Hệ thống hiển thị thông tin (Tivi) tại Trung tâm Hành chính công	Cái	2	2	Hiển thị thông tin	
4	Hệ thống hiển thị thông tin (máy tính) tại Trung tâm Hành chính công	Cái	4	4	Hiển thị thông tin	
5	Camera quan sát treo tường: Camera Hkvision DS-2CE56D0T-IRP	Cái	4	4	Camera an ninh quan sát trong khu vực	
6	Bộ điều khiển trung tâm kết nối không dây, cấp số màn hình cảm ứng 17 inch	Bộ	1	1		
7	Bộ âm thanh tự động	Bộ	1	1		

8	Màn hình tra cứu thông tin kosk tra cứu thông tin 17inches AT-K17M1BP	Bộ	1	1	Tra cứu thông tin thủ tục hành chính	
9	Máy fax panasonic KX-FP987	Bộ	1	1		
10	Bảng điện tử đèn LED	m2	3	3	Chạy khẩu hiệu	
II	**Trung tâm Văn hóa - Truyền thông**					
1	Máy phát FM 200W	Cái	1	2	Phát sóng phát thanh FM	
2	Camera	Cái	3	5	Quay phim	
3	Máy ảnh	Cái	1	3	Chụp ảnh	
4	Máy dựng phi tuyến	Bộ	1	2	Dựng hình, tiếng để làm chương trình, phát thanh	
5	Bộ lưu trữ tư liệu	Bộ	0	1	Lưu trữ tư liệu, video, ảnh	
6	Loa Full	Cặp	3	7		
7	Loa nén	Cái	0	2		
8	Amply chạy loa nén	Cái	2	3		
9	Micro không dây	Cái	7	11		
10	Loa Super bass	Cái	2	4		
11	Cosover	Cái	0	1		
12	Cục công suất (Amply)	Cục	4	8		
13	Đèn Par Led	Cái	0	20		

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN